

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST
Ngày 10-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn.
2. Bà Trần Thị Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần A; trụ sở: Số 201-203, Cách mạng tháng Tám, Phường, Quận ..., Thành phố M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Duy N, sinh năm 1991, địa chỉ: Lầu 6, số 11-11A-13, V, phường, Quận, Thành phố M. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm 1957; thường trú: 127/4 K, khu phố L 2, phường A, thành phố A, tỉnh D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/01/2019, bà Nguyễn Thị Xuân M (sau đây gọi tắt là bà M) đã ký hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0086/2019/925-CV với Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Đ – PGD B để vay tiền với nội dung chính sau:

- Số tiền vay: 800.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 120 tháng;
- Lãi suất cho vay: 12,0% năm, lãi suất sẽ do Ngân hàng Nam A quyết định điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.
- Mục đích vay: Hoàn tiền mua bất động sản phục vụ nhu cầu đời sống.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất diện tích 863 m², đất trồng cây hàng năm khác, thời hạn sử dụng đến tháng 10/2013, thuộc thửa đất số 1998, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ở ấp 6, xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An đã được UBND huyện Đức Huệ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 921712, có sổ vào sổ cấp GCN: CH 00471 ngày 18/4/2011 theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0074/2019/925-BĐ được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lư Thành Dự, số công chứng 195 quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/01/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc tạo điều kiện để bà M trả nợ nhưng bà M vẫn không thực hiện.

Tính đến ngày 10/3/2023, bà M còn nợ Ngân hàng số tiền: 1.371.965.134 đồng; trong đó nợ gốc: 795.555.000 đồng, lãi: 576.410.134 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà M phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và lãi vay tính đến ngày 10/3/2023 là 1.371.965.134 đồng; trong đó nợ gốc: 795.555.000 đồng, lãi: 576.410.134 đồng.

Đồng thời yêu cầu bà M tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0086/2019/925-CV ngày 30/01/2019 với Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Đ – PGD B cho đến ngày thực tế trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất diện tích 863 m², đất trồng cây hàng năm khác, thời hạn sử dụng đến tháng 10/2063, thuộc thửa đất số 1998, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ở ấp 6, xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An đã được UBND huyện Đức Huệ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 921712, có sổ vào sổ cấp GCN: CH 00471 ngày 18/4/2011.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà M để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân M:

Quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị Xuân M được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có ý kiến gì và cũng không cung

cấp tài liệu, chứng cứ. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 24/02/2023, 10/3/2023 nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng.

Về nội dung vụ án: Do bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên Căn cứ Điều 280, 299, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 24/02/2023, 10/3/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0086/2019/925-CV ngày 30/01/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn, hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0074/2019/925-BĐ được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lư Thành Dự, số công chứng 195 quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/01/2019 do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của các bên, được công chứng, chứng thực theo quy định, thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện.

[2.2] Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Xuân M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không xuất trình tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc thanh toán nợ cho Ngân hàng. Căn cứ giấy nhận nợ ngày 30/01/2019, các bản Sao kê vốn và lãi do nguyên đơn cung cấp thể hiện bà M đã nhận tiền vay với tổng số tiền là 800.000.000 đồng, đã thanh toán được 4.445.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 795.555.000 đồng. Từ tháng 03/2019 đến nay bà M không thanh toán nợ gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn cho Ngân hàng. Căn cứ hợp đồng các bên ký kết, có căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 10/3/2023 là 1.371.965.134 đồng; trong đó nợ gốc là 795.555.000 đồng, lãi là 576.410.134 đồng là có căn cứ. Bà M phải tiếp tục trả lãi và các khoản phí phát sinh cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ theo thỏa thuận giữa hai bên.

[3] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị Xuân M phải chịu 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng và có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP A 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng.

[6] Chi phí tố tụng khác: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự là 7.050.000 (Bảy triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng. Bà Nguyễn Thị Xuân M phải thanh toán lại cho Ngân hàng TMCP A 7.050.000 (Bảy triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, các Điều 147, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân M về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị Xuân M thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0086/2019/925-CV ngày 30/01/2019 tính đến ngày 10/3/2023 là 1.371.965.134 đồng; trong đó nợ gốc: 795.555.000 đồng, lãi: 576.410.134 đồng.

1.2 Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ 11/3/2022 theo quy định tại Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0086/2019/925-CV ngày 30/01/2019 giữa Ngân hàng TMCP A với bà Nguyễn Thị Xuân M.

1.3 Sau khi Ngân hàng TMCP A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Xuân M không thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi các tài sản là: Quyền sử dụng đất diện tích 863 m², đất trồng cây hàng năm khác, thời hạn sử dụng đến tháng

10/2013, thuộc thửa đất số 1998, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ở ấp 6, xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An đã được UBND huyện Đức Huệ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 921712, có sổ vào sổ cấp GCN: CH 00471 ngày 18/4/2011.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản: Bà Nguyễn Thị Xuân M phải chịu 5.500.000 đồng và có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP A 5.500.000 đồng.

3. Chi phí tố tụng khác: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự là 7.050.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Xuân M phải thanh toán lại cho Ngân hàng TMCP A 7.050.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Xuân M phải chịu 53.158.954 đồng. Trả lại cho Ngân hàng TMCP A 24.577.391 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000688 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHA DS thành phố Dĩ An (01);
- Đường sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Nam